

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2021/DS-ST
Ngày 29 - 7 - 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Châu
2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST ngày 12/7/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: 266 – 268 N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D

Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V

Chức vụ: Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đăklăk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Mạnh C – Có đơn xét xử vắng mặt.

Chức vụ: Phó phòng giao dịch N – Ngân hàng TMCP S

Bị đơn: Ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T, vắng mặt

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đăklăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C trình bày:

Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) có cho vợ chồng ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T vay vốn theo 03 Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng số LD1913700175 ngày 31/5/2019

- Ngày giải ngân tiền vay: 05/6/2019;
- Số tiền giải ngân: 320.000.000 đồng;
- Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 11%/năm (%/năm, năm = 365 ngày), từ tháng thứ 04 kể từ ngày nhận nợ lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được điều chỉnh theo mức lãi suất bằng Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ VND của ngân hàng + (cộng) biên độ 4.1%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ban đầu và được ngân hàng quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

- Thời hạn trả nợ, phương thức trả nợ: Lãi trả 12 tháng/ lần vào ngày 5; Vốn gốc được trả 12 tháng/ lần, ngày trả gốc cuối cùng là ngày 05/6/2020 (ngày đáo hạn của Hợp đồng vay).

- Tình trạng khoản nợ: Tổng số tiền phải trả phát sinh theo Hợp đồng là 419.959.783 đồng, trong đó: tiền vốn gốc là 320.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 35.296.438 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 60.611.507 đồng, tiền lãi chậm trả là 4.051.838 đồng. Ông Q và bà T đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi đến hạn vào ngày 05/6/2020, ngân hàng đã chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thông báo thu hồi nợ đối với toàn bộ khoản vay.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông Q và bà T đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 38 diện tích 5.023,3m², địa chỉ tại xã EaMdroh, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công H, đến ngày 11/5/2018 tặng cho ông Nguyễn Công Q; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 83, 96, tờ bản đồ số 38 diện tích 6.540,6m², địa chỉ tại xã EaMdroh, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T. Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0305/2018/TC/NTT ngày 29/5/2018. Giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Cư M'gar.

Ngày 05/6/2019, ông Nguyễn Công Q ký hợp đồng vay từng lần số LD1915100119 với Ngân hàng S số tiền vay 30.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng nhanh; Lãi suất 20,27%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và nhận nợ. Thời hạn vay 36 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng: 05/6/2022. Số tiền dư nợ 25.000.000 đồng, đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2020.

Ngày 05/6/2019, bà Lê Thị Hồng T ký hợp đồng vay từng lần số LD1915100120 với Ngân hàng số tiền vay 30.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng nhanh; Lãi suất 20,27%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và nhận nợ. Thời hạn vay 36 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng: 05/6/2022. Số tiền dư nợ 25.000.000 đồng, đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/6/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Q và bà T đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, tổng số tiền phải trả phát sinh theo hai Hợp đồng là 69.182.782 đồng, trong đó: tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 12.535.200 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 5.763.710 đồng, tiền lãi chậm trả là 883.872 đồng và còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 28/7/2021 tổng số tiền của ba hợp đồng 489.142.564 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 370.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 47.831.637 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 66.375.218 đồng, tiền lãi chậm trả là 4.935.709 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Q và bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 489.142.564 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 370.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 47.831.637 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 66.375.218 đồng, tiền lãi chậm trả là 4.935.709 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2021 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1913700175 ngày 31/5/2019, số LD1915100119 và số LD1915100120 ngày 05/6/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp vợ chồng ông Q và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản đã thế chấp của ông Q và bà T để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không công khai chứng cứ và hòa giải giữa ngân hàng với ông Q và bà T được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tuân theo đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 86 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T chưa thực hiện đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Nếu vợ chồng ông Q và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền đã vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T nhưng ông Q và bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T có vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LD 1913700175 ngày 31/5/2019 vay 320.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay, lãi suất vay theo thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, trả nợ gốc là 12 tháng/ lần; trả nợ lãi là 12 tháng/1 lần. Ngày 05/6/2019, ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T mỗi người ký hợp đồng vay từng lần theo hợp đồng tín dụng số LD1915100119 và số LD1915100120 với Ngân hàng số tiền vay mỗi hợp đồng 30.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng nhanh; Lãi suất 20,27%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và nhận nợ. Thời hạn vay 36 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng: 05/6/2022. Số tiền dư nợ mỗi hợp đồng 25.000.000 đồng.

Từ ngày vay cho đến kỳ hạn trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại đến nay

chưa trả được khoản tiền gốc lãi suất nào theo thỏa thuận cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo yêu cầu trả nợ.

Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Việc ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T không trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay theo quy định tại Điều 5 và Điều 7 Hợp đồng tín dụng số LD 1913700175; mục 3 Điều 1 các điều khoản chung về cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng số LD1915100119 và số LD1915100120. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T trả nợ toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: Tính đến ngày 28/7/2021 ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 489.142.564 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 370.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 47.831.637 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 66.375.218 đồng, tiền lãi chậm trả là 4.935.709 đồng và phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/7/2021 cho đến khi ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T trả xong nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay 320.000.000 đồng, ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 38 diện tích 5.023,3m², địa chỉ tại xã EaMdroh, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công H, đến ngày 11/5/2018 tặng cho ông Nguyễn Công Q; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 83, 96, tờ bản đồ số 38 diện tích 6.540,6m², địa chỉ tại xã EaMdroh, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T. Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0305/2018/TC/NTT ngày 29/5/2018. Giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Cư M'gar.

Trong trường hợp ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông Q và bà T.

Trường hợp ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Q và bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018, CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông

Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 3.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể:

$$20.000.000\text{đồng} + \{(489.142.564 - 400.000.000) \times 4\%\} = 23.565.702 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 489.142.564 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 370.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 47.831.637 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 66.375.218 đồng, tiền lãi chậm trả là 4.935.709 đồng. Ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD 1913700175 ngày 31/5/2019 đối với khoản nợ gốc 320.000.000 đồng; LD1915100119 ngày 05/6/2019 đối với khoản nợ gốc 25.000.000 đồng và số LD1915100120 ngày 05/6/2019 đối với khoản nợ gốc 25.000.000 đồng kể từ ngày 29/7/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính cho ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T tài sản đã thế chấp là: Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CùM'gar cấp ngày 09/02/2018, CM 230228 do UBND huyện CùM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T.

Trường hợp ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự

phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 38 diện tích 5.023,3m², địa chỉ tại xã EaMdroh, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công H, đến ngày 11/5/2018 tặng cho ông Nguyễn Công Q; Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 83, 96, tờ bản đồ số 38 diện tích 6.540,6m², địa chỉ tại xã EaMdroh, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận số CM 230228 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 09/02/2018 cho ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T.

Về án phí: Ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T phải chịu 23.565.702 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại 10.817.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar theo biên lai thu số AA/2019/0019823 ngày 22/02/2021.

Chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Công Q và bà Lê Thị Hồng T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP S 3.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu